

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QUẬN H

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2020

Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Nguyễn Văn Sơn**.

- Ông **Nguyễn Sơn Hóa**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Bích Huệ** – Thư ký Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Vũ Ngọc Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1175/2019/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXX - ST ngày 28 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2020, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Phương L**, sinh năm 1989 (Có mặt).

HKTT: Số 28 hẻm 622/17/15 Hà Huy Tập, thị trấn Y, huyện G, Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 11/62/259 phố V, phường V, quận H, Hà Nội.

*** Bị đơn:** Anh **Trần Thanh T**, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

HKTT: Số 28 hẻm 622/17/15 Hà Huy Tập, thị trấn Y, huyện G, Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 11/62/259 phố V, phường V, quận H, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Thanh T vào ngày 27/9/2013, trước khi cưới có tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện G, Hà Nội, đây là lần kết hôn thứ nhất.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, bản thân anh Thay cờ bạc, lơ đãng dẫn đến vay nợ thường xuyên bị chủ nợ đến nhà đòi, từ đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và cãi vã nhau, tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, vợ chồng không còn yêu thương quý trọng nhau, không quan tâm và chăm sóc nhau. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng cuộc sống vợ chồng không cải thiện được, ngoài ra anh T còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác không chung thủy với vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tháng 10/2016, từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý và không còn quan tâm đến nhau. Tháng 8/2019 chị làm đơn xin ly hôn anh T gửi đến Tòa án nhân dân huyện G, Tòa án đã thụ lý giải quyết, đã tiến hành hòa giải nhưng do vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G nên đã chuyển đến Tòa án nhân dân quận H để giải quyết theo thẩm quyền. Kể từ khi Tòa án nhân dân quận H thụ lý vụ án, anh T cố tình không đến Tòa án làm việc

Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, đòi sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa cho chị được ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị L xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Hà Diệp, sinh ngày 27/7/2014 và cháu Trần Nguyễn Hà Lam, sinh ngày 27/9/2016. Ly hôn chị xin nuôi cháu Lam, anh T nuôi cháu Diệp, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng (Động sản + bất động sản): Vợ chồng không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và văn bản tố tụng khác bị đơn anh Trần Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Phương L vào ngày 27/9/2013, trước khi cưới có tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện G, Hà Nội, đây là lần kết hôn thứ nhất.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn, bên cạnh đó do anh vay tiền ngân hàng để mua nhà, bố thì ốm nặng, từ đó tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, vợ chồng không còn yêu thương quý trọng, không quan tâm và chăm sóc nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào năm 2016, từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý và không còn quan tâm đến nhau.

Nay anh Txác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L có mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung, nếu chị L xin cương quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh Txác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Hà Diệp, sinh ngày 27/7/2014 và cháu Trần Nguyễn Hà Lam, sinh ngày 27/9/2016. Ly hôn anh xin được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng (Động sản + bất động sản): Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.
Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương L khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, chị sống với anh T không có hạnh phúc. Đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm. Do đó, chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh T. Khi ly hôn chị xin được nuôi cháu Trần Nguyễn Hà Lam, để anh T nuôi cháu Trần Nguyễn Hà Diệp; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị L xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn: Vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa đã công bố lời khai của anh T thể hiện tại bản tự khai; các biên bản hòa giải và Biên bản xác minh với tổ dân phố, giấy. Chị L nghe rõ các lời khai trên và thừa nhận đúng. Song, chị L vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án cho chị ly hôn anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội thụ lý Đơn ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương L đối với anh Trần Thanh T là đúng thẩm quyền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự tố tụng quy định tại các Điều 195, 196 và 197 Bộ luật tố tụng dân sự; về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án chuẩn bị đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 103 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định của pháp

luật. Cụ thể, bị đơn không đến Tòa theo giấy báo của Tòa án, cũng như các buổi hòa giải của Tòa án, dẫn đến Tòa án phải làm thủ tục niêm yết nhiều lần. Đó là sự khó khăn của Tòa án trong việc tiến hành tố tụng, có thể dẫn đến thời hạn giải quyết vụ án bị kéo dài. Tại phiên tòa ngày 15/6/2020, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt, nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiếp tục xét xử là đúng theo quy định.

Kiểm sát viên đề nghị về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, yêu cầu của các đương sự, phân tích căn cứ pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương L, xử cho chị L ly hôn anh T; giao con chung cháu Trần Nguyễn Hà Lam cho chị L nuôi dưỡng, giao anh Tnuôi cháu Trần Nguyễn Hà Diệp; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu khác; về tài sản chung: anh chị không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết; về khoản nợ chung: Không có, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Phương L có đơn ly hôn đối với anh Trần Thanh T, nơi cư trú: Số 11/62/259 phố V, phường V, quận H, Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn anh Trần Thanh T vắng mặt không đến Tòa làm việc và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân quận H. Tuy nhiên tại Tòa án nhân dân huyện G, anh T đều đã có bản tự khai và tham gia đầy đủ các phiên hòa giải. Theo các tài liệu có tại hồ sơ anh T xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã chấm dứt quan hệ sinh lý và sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, chị L xin ly hôn anh, tại buổi hòa giải lần thứ nhất anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn chị L nhưng sau đó anh T không nhất trí ly hôn là vì các con còn nhỏ, tại phiên tòa ngày 15/6/2020 bị đơn anh T đã vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa lần thứ nhất, Do vậy Tòa án cần mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương L và anh Trần Thanh T kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Ngày 27/9/2013, trước khi cưới có tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện G, Hà Nội. Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, bên cạnh đó do kinh tế gia đình khó khăn, từ đó tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào năm 2016, từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý và không còn quan tâm đến nhau. Anh T mặc dù thể hiện quan điểm không đồng ý ly hôn, nhưng cũng đã xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, bản thân chị L vẫn cương quyết xin ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh T không đồng ý ly hôn thể hiện việc gây khó khăn cho chị L là không đúng với tình trạng hôn nhân của anh chị tại thời điểm chị L xin ly hôn. Do vậy chị L yêu cầu được ly hôn đối với anh T căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị L ly hôn anh T.

Về con chung: Xác định chị Nguyễn Thị Phương L và anh Trần Thanh T có hai con chung là cháu Trần Nguyễn Hà Diệp, sinh ngày 27/7/2014 và cháu Trần Nguyễn Hà Lam, sinh ngày 27/9/2016. Quá trình giải quyết vụ án, chị L xin được nuôi cháu Trần Nguyễn Hà Lam và để anh T nuôi cháu Trần Nguyễn Hà Diệp và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện chị đang có công việc và thu nhập ổn định. Thu nhập hàng tháng hiện nay của chị 15.000.000 đồng/tháng và chị đã có xác nhận của đơn vị quản lý. Anh T xác định nếu phải ly hôn anh xin được nuôi cả hai cháu vì anh mong muốn hai cháu được ở cùng nhau và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh T không chứng minh được thu nhập hàng tháng của anh để Tòa án xem xét. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị L xin được nuôi cháu Trần Nguyễn Hà Lam, để anh T nuôi cháu Trần Nguyễn Hà Diệp, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung trên là phù hợp pháp luật, do vậy cần giao con chung là cháu Trần Nguyễn Hà Lam cho chị L nuôi dưỡng, để anh T nuôi cháu Trần Nguyễn Hà Diệp, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung trên là phù hợp pháp luật là phù hợp quy định của pháp luật.

Về tài sản chung (động sản + bất động sản): Chị Nguyễn Thị Phương L và anh Trần Thanh T không đề nghị Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương L và anh Trần Thanh T cùng xác định không có vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị Phương L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Trần Thanh T không phải chịu.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương L. Cho chị Nguyễn Thị Phương L được ly hôn anh Trần Thanh T.

2. Về con chung:

Giao chị Nguyễn Thị Phương L được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Trần Nguyễn Hà Lam, sinh ngày 27/9/2016.; Giao anh Trần Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Trần Nguyễn Hà Diệp, sinh ngày 27/7/2014, kể từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hoãn việc dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu khác.

Chị Nguyễn Thị Phương L và anh Trần Thanh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Phương L và anh Trần Thanh T không yêu cầu, nên không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2010/0004668 ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, Thành phố Hà Nội. Chị Nguyễn Thị Phương L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Phương L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Trần Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA dân sự quận H;
- UBND thị trấn Y, huyện G, TP. Hà Nội; (GCNKH số 71, quyền số 01 ngày 27/9/2013)
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Phương

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Phương

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOANG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ , ngày 07/7/2020. Tại phòng nghị án, TAND quận H;

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Xuân Phương** – Thẩm phán

Hội thẩm nhân dân : - Ông **Nguyễn Sơn Hóa**.

- Ông Nguyễn Văn Sơn.

Hội đồng xét xử nghị án về vụ án Tranh chấp ly hôn thụ lý số 1175/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXX - ST ngày 28 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Phương L**, sinh năm 1989 (Có mặt).

HKTT: Số 28 hẻm 622/17/15 Hà Huy Tập, thị trấn Y, huyện G, Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 11/62/259 phố V, phường V, quận H, Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Trần Thanh T**, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

HKTT: Số 28 hẻm 622/17/15 Hà Huy Tập, thị trấn Y, huyện G, Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 11/62/259 phố V, phường V, quận H, Hà Nội.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Về tố tụng: Việc chị Nguyễn Thị Phương L xin ly hôn anh Trần Thanh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Biểu quyết 3/3

***Về điều luật áp dụng:** Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/201

Biểu quyết 3/3

***Phần quyết định:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương L. Cho chị Nguyễn Thị Phương L ly hôn anh Trần Thanh T.

Về con chung:

Giao chị Nguyễn Thị Phương L được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Trần Nguyễn Hà Lam, sinh ngày 27/9/2016.; Giao anh Trần Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Trần Nguyễn Hà Diệp, sinh ngày 27/7/2014, kể từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hoàn việc dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu khác.

Chị Nguyễn Thị Phương L và anh Trần Thanh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung: chị Nguyễn Thị Phương L và anh Trần Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0004668 ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, Thành phố Hà Nội. Chị Nguyễn Thị Phương L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Phương L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Trần Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Biểu quyết 3/3

Biên bản kết thúc vào hồi giờ ngày 07/7/2020.

Biên bản làm xong đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây .

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Phương